

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (Amcham) cho biết bức tranh hồi phục hoạt động sản xuất của doanh nghiệp Mỹ tại Việt Nam khá lạc quan

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm mạnh, tương đồng với diễn biến tích cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, BVH

[Cập nhật công ty]

DXG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể trái lệnh bán từng phần và tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại nếu chỉ số đi lên nhưng khối lượng giao dịch không được cải thiện

24/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,488.87	+1.72
VN30	1,565.29	+2.10
HĐTL VN30F1M	1,562.10	+2.17
HNXIndex	455.58	+1.56
HNX30	757.04	+1.88
UPCoM	114.64	+1.42
USD/VND	22,682	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.60	+8
Dầu (WTI, \$)	78.81	+0.39
Vàng (LME, \$)	1,792.35	+0.18



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,488.87 (+1.72%)
KLGD (triệu CP) 1,116.9 (+37.7%)
GTGD (triệu US\$) 1,581.4 (+36.7%)

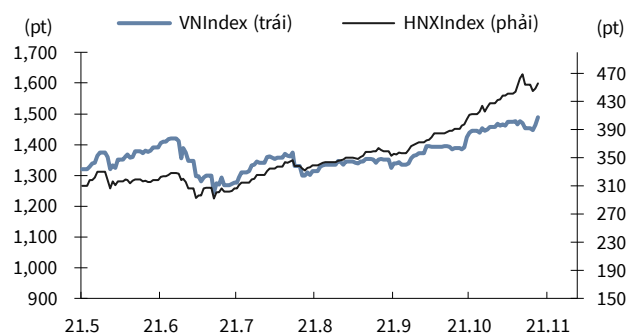
HNXIndex 455.58 (+1.56%)
KLGD (triệu CP) 128.2 (-5.3%)
GTGD (triệu US\$) 137.2 (-4.2%)

UPCoM 114.64 (+1.42%)
KLGD (triệu CP) 114.2 (+25.8%)
GTGD (triệu US\$) 99.4 (+24.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -41.2

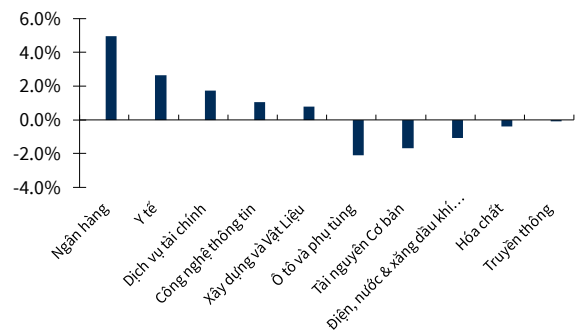
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (Amcham) cho biết bức tranh hồi phục hoạt động sản xuất của doanh nghiệp Mỹ tại Việt Nam khá lạc quan. Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) cho biết trong hơn một năm qua, các kỷ lục về giá, phí trong ngành vận tải container liên tục bị phá vỡ, và dự báo cước vận tải biển khó hạ nhiệt vào cuối năm, giá cổ phiếu cảng biển tăng ở GMD (+0.6%), TMS (+5.6%). Goldman Sachs cho biết Mỹ và một số quốc gia khác thông báo bán dầu từ Dự trữ Dầu Chiến lược (SPR) để hạ nhiệt thị trường nhưng không đạt kỳ vọng, giá dầu vẫn sẽ neo ở mức cao, giúp cổ phiếu ngành dầu tăng ở PVD (+0.5%), PVS (+1.6%). Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản cho biết nếu tốc độ tăng trưởng quý IV được giữ vững thì nhiều khả năng Mỹ trở về vị trí số 1 về nhập khẩu cá tra từ Việt Nam, giúp cổ phiếu ngành cá tra tăng ở VHC (+1.7%), ANV (+1.8%). Khối ngoại bán ròng ở VPB (+2.9%), VCI (2.9%), HPG (-1.8%).

VNIndex & HNXIndex



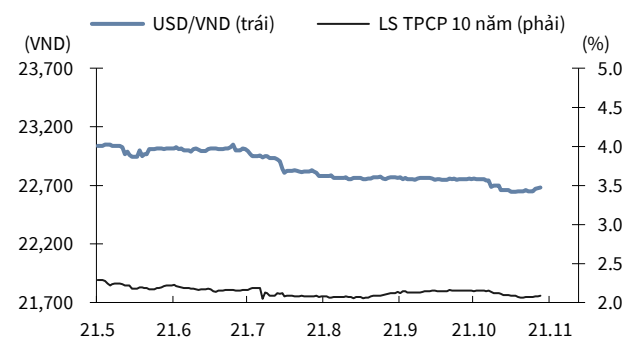
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



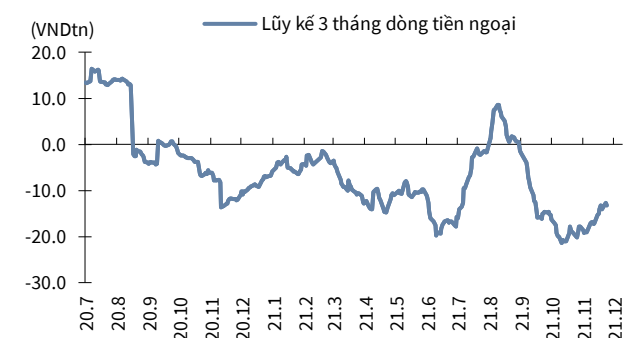
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



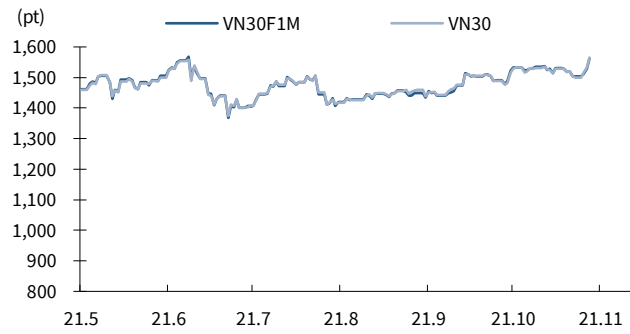
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,565.29 (+2.10%)
VN30F1M	1,562.1 (+2.17%)
Mở cửa	1,533.5
Cao nhất	1,565.0
Thấp nhất	1,529.6
KLGD (HĐ)	146,796 (+33.1%)

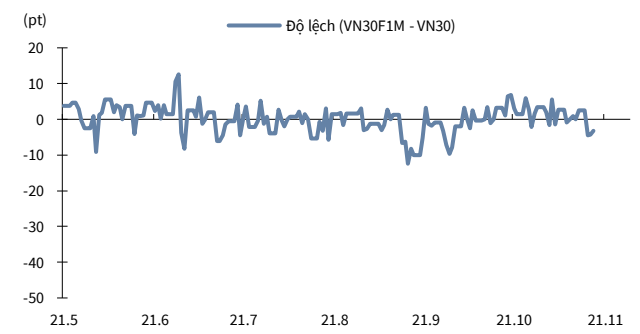
Các HĐTL tăng điểm mạnh, tương đồng với diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 biến động trong biên độ hẹp quanh mức -3 điểm cho thấy tâm lý đồng thuận của nhà đầu tư và đóng cửa ở mức -3.19 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường được cải thiện.

HĐTL VN30F1M & VN30



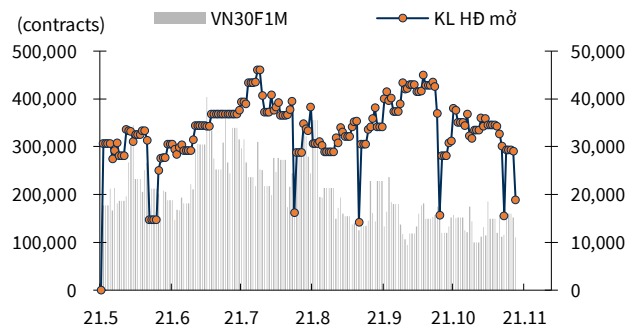
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



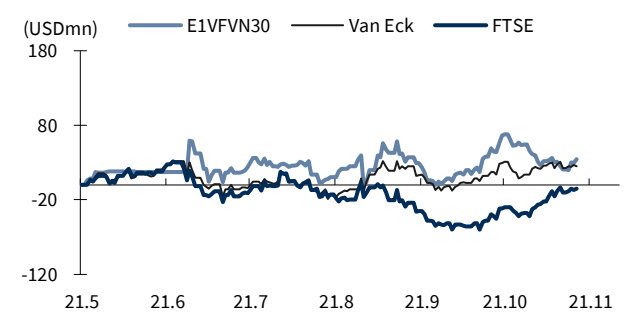
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

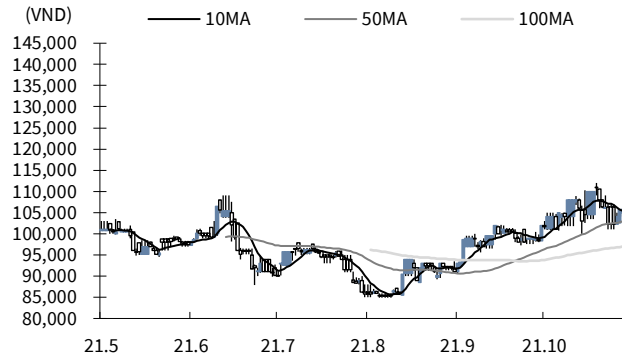
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

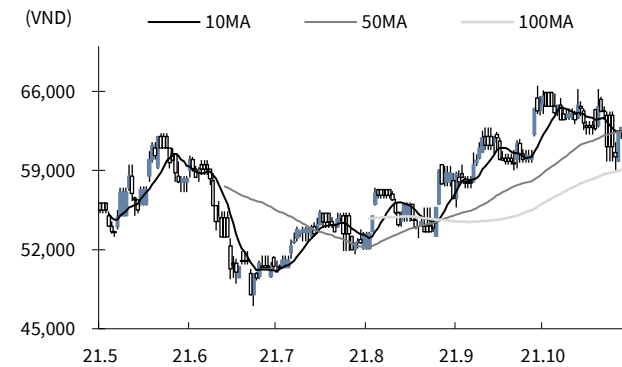


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ đóng cửa ở mức tham chiếu tại 105,700 VND/cp

- Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận thông báo ngày 10/12 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền đợt 3/2020 tỷ lệ 6% bằng tiền mặt, 1 cổ phiếu được nhận 600 đồng. Ngày thanh toán 11/1/2022, số tiền dự kiến chi ra khoảng 136 tỷ đồng.

Tập đoàn Bảo Việt (BVH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BVH tăng 0.64% lên 62,800 VND/cp

- Tập đoàn Bảo Việt thông báo dự kiến dành gần 667 tỷ đồng chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2020, từ ngày 30/11.

Đất Xanh (DXG)

Đẩy mạnh mở bán trong năm 2022

23/11/2021

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 cải thiện nhờ bàn giao số lượng lớn căn hộ tại dự án Gem Skyworld và Opal Boulevard

Kết quả kinh doanh quý 3 kém tích cực hơn các quý trước bởi quá trình giãn cách xã hội kéo dài ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động môi giới BĐS. Tuy nhiên, lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, kết quả kinh doanh của DXG có nhiều khởi sắc nhờ bàn giao dự án Gem Skyworld và Opal Boulevard. Doanh thu 9 tháng đầu năm đạt 7,819 tỷ VND (+317%yoy), lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 882 tỷ VND, so với mức âm 388 tỷ cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận sẽ hồi phục tích cực từ năm 2021 khi nhiều dự án hoàn thiện và bàn giao

Lợi nhuận quay lại đà tăng trưởng từ năm 2021 khi bàn giao hơn 3,000 căn tại hai dự án Gem Sky World và Opal Boulevard. Chúng tôi ước tính trong năm 2021, Đất Xanh sẽ ghi nhận 7,616 tỷ VND doanh thu từ hai dự án trên.

Doanh thu năm 2021 và 2022 của DXG ước tính đạt lần lượt 9,520 tỷ VND và 11,597 tỷ VND, tương ứng với LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,244 tỷ VND và 1,697 tỷ VND.

DXG tập trung mở bán các dự án mới trong năm 2022

Trong năm 2022, DXG tập trung hoàn thiện và mở bán các dự án mới tại Bình Dương như Opal Cityview, Opal Parkview và Park City. Ngoài ra, dự án Gem Riverside cũng được kỳ vọng sẽ mở bán trở lại. Tổng giá trị hợp đồng bán của các dự án trong năm 2022 ước đạt 9,175 tỷ VND (+32%YoY).

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 31,300VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DXG với giá mục tiêu là 31,300/cp, cao hơn 20% so với giá đóng cửa ngày 23/11/2021.

Mua Duy trì

Giá mục tiêu	31,300VND
Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (23/11/2021)	26,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	29,300VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	15.5/0.7

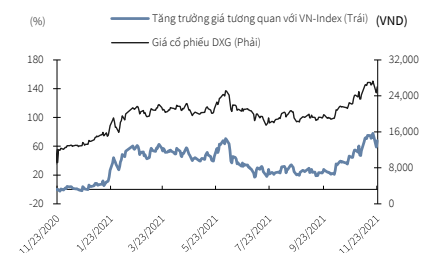
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	85%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	188.2/8.3
Sở hữu nước ngoài (%)	19.8%
Cổ đông lớn	Ông Lương Trí Thìn (14.1%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tương đối	16	36	18	115
Tuyệt đối	10	26	6	68

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,814	2,891	9,520	11,597
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	2,310	-4	2,171	2,872
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,217	-496	1,244	1,697
EPS (VND)	2,269	-953	2,082	2,839
Tăng trưởng EPS (%)	-31	-142	-318	36
P/E (x)	9.67	-23.03	12.49	9.16
P/B (x)	1.63	1.85	1.43	1.25
ROE (%)	16	-5	17	19
Tỷ suất cổ tức (%)	2	0		

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên trước khi tiếp tục mở rộng đà bứt phá và vượt đỉnh về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm khá tích cực của chỉ số cùng tín hiệu vượt đỉnh cho thấy xu hướng tăng vẫn đang giữ vai trò chủ đạo. Mặc dù vậy, mức độ cải thiện của khối lượng giao dịch đang có phần kém thuyết phục và điều này hàm ý động lực tăng điểm đang không đến từ số đông các mã. Đây là một tín hiệu cần được lưu ý và nếu điều này không được cải thiện trong những phiên tới, rủi ro đảo chiều tại vùng cản tâm lý quanh 1500 cần được tính đến.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể trải lệnh bán từng phần và tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại nếu chỉ số đi lên nhưng khối lượng giao dịch không được cải thiện.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1575 - 1579

Kháng cự gần: 1569 - 1571

Hỗ trợ gần: 1545 - 1549

Hỗ trợ xa: 1531 - 1535

— F1 mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên trước khi tiếp tục mở rộng đà bứt phá trong phiên.

— Xung lực tăng điểm tích cực cùng thanh khoản cải thiện đã giúp F1 vượt vùng kháng cự quanh 153x thành công, hiện đã đảo vai trò trở thành điểm đỡ gần cho chỉ số. Mặc dù vậy, sau một nhịp tăng dốc, chỉ số có thể sẽ sớm chịu áp lực rung lắc kỹ thuật tại vùng đỉnh lịch sử quanh 1570.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời từng phần và tạm đóng hết các vị thế Long còn lại tại các nhịp tăng trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

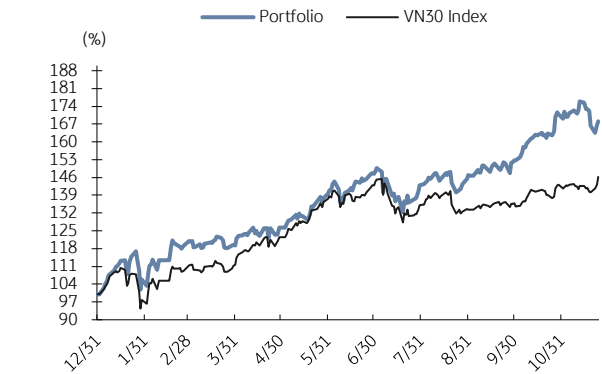
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.10%	0.92%
Tăng lũy kế (YTD)	46.18%	68.19%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	144,000	0.7%	86.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	55,000	3.0%	148.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,700	0.0%	37.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	191,700	1.3%	-0.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,600	1.3%	98.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	97,900	1.3%	236.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	35,400	3.8%	87.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	103,000	-1.5%	40.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	48,650	-1.8%	236.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	48,500	1.0%	254.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	6.8%	16.9%	100.5
CTG	3.8%	25.0%	93.2
VCB	5.8%	23.6%	45.5
VRE	3.2%	29.5%	38.7
GMD	0.6%	40.6%	32.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	2.9%	15.3%	-292.5
VCI	2.9%	20.6%	-132.9
HPG	-1.8%	24.8%	-161.2
VIC	-0.7%	13.6%	-102.5
SSI	2.3%	39.6%	-96.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	2.3%	8.0%	4.4
APS	-0.9%	1.7%	1.3
NDN	0.9%	1.2%	1.2
PSI	2.0%	15.0%	0.3
BCC	-0.8%	1.8%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	10.0%	16.5%	-6.4
NVB	5.4%	8.4%	-3.1
NTP	5.1%	18.6%	-1.3
NAG	2.4%	3.8%	-1.0
VGS	10.0%	0.3%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	8.1%	VCB, CTG
Dịch vụ tài chính	7.1%	SSI, VND
Bán lẻ	3.2%	MWG, DGW
Thực phẩm và đồ uống	0.5%	MSN, IDI
Y tế	-0.3%	DBD, TNH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.4%	GAS, POW
Dầu khí	-9.0%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-5.7%	HPG, HSG
Hóa chất	-5.2%	GVR, DCM
Xây dựng và Vật Liệu	-4.5%	VGC, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	28.1%	SSI, VND
Ô tô và phụ tùng	18.2%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	12.7%	VGC, VCG
Ngân hàng	11.3%	VCB, BID
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.6%	GEX, TMS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-14.9%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.8%	GAS, NT2
Du lịch và Giải trí	-3.1%	HVN, VJC
Bảo hiểm	-1.9%	BVH, MIG
Hóa chất	-0.5%	GVR, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD Mn)	GTGD (VNĐ tỷ, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	202,099 (8.9)	22.5	78.2	60.1	14.7	4.3	5.7	3.9	3.6	-0.7	-2.3	2.5	-2.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	610,656 (26.9)	26.6	10.6	9.1	35.9	32.9	28.3	3.0	2.3	1.5	0.2	7.3	21.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	256,896 (11.3)	17.8	36.9	21.6	-7.6	6.6	10.1	2.4	2.2	3.2	2.1	1.5	-1.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	339,841 (15.0)	31.3	36.8	21.5	6.7	18.0	16.3	4.4	3.6	0.2	3.1	3.0	121.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	160,793 (7.1)	11.6	27.2	19.8	18.0	13.1	14.7	3.2	2.7	3.1	-2.9	3.0	76.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	338,526 (14.9)	13.9	15.3	10.7	-	15.3	17.9	2.2	1.8	2.5	0.0	18.4	92.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	100,834 (4.4)	6.3	18.7	15.2	11.7	20.2	20.6	3.4	2.8	5.8	6.9	11.1	7.0
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	112,771 (5.0)	12.7	20.6	15.6	-5.3	13.2	16.0	2.2	2.0	3.0	5.6	17.2	-3.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,063,295 (46.8)	0.0	11.4	9.6	14.3	20.8	19.8	2.1	1.8	5.5	6.3	6.1	76.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	444,374 (19.6)	1.4	11.2	8.9	61.1	17.8	19.6	1.6	1.4	3.8	9.8	19.4	32.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	389,696 (17.2)	0.0	13.0	11.1	18.8	18.5	16.6	2.2	1.8	2.9	3.2	0.3	106.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	385,064 (17.0)	0.0	9.7	8.0	14.6	22.0	22.4	1.8	1.5	6.9	7.7	10.8	83.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	186,502 (8.2)	4.2	12.0	10.4	23.3	22.1	21.1	2.3	1.9	5.3	20.5	36.5	76.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	547,977 (24.2)	14.0	18.5	13.9	26.5	10.5	12.1	1.7	1.5	6.8	8.8	16.2	80.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	166,269 (7.3)	0.0	11.8	9.8	37.5	22.1	20.5	2.3	1.8	0.8	13.5	13.7	83.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	21,156 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.9	6.1	25.6	52.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	107,338 (4.7)	21.0	26.7	25.5	15.8	8.6	8.6	2.2	2.1	0.6	-2.2	4.1	-4.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	53,983 (2.4)	14.2	22.5	19.4	9.1	10.9	12.6	2.1	2.0	1.0	-6.8	8.1	76.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	951,550 (41.9)	55.4	27.2	24.4	-3.2	17.3	17.7	-	-	2.3	16.0	35.7	143.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	410,569 (18.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.9	6.6	25.0	166.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	223,857 (9.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.7	4.4	26.1	97.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	592,038 (26.1)	27.2	17.8	30.2	36.3	-	-	5.9	5.4	0.9	9.6	55.9	333.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	311,953 (13.7)	42.1	18.4	17.1	4.0	32.8	34.0	5.6	5.4	1.4	-1.5	-3.3	-19.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,176 (0.8)	36.9	26.4	21.7	7.3	20.3	22.5	4.9	4.4	0.0	-1.5	7.3	-13.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	201,170 (8.9)	16.5	53.2	30.1	-51.9	28.8	21.8	9.8	7.1	0.3	4.3	12.1	76.6
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	93,941 (4.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-8.6	10.4	-43.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	114,187 (5.0)	11.0	-	37.1	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.2	3.4	0.3	5.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	220,700 (9.7)	10.8	30.1	21.0	-57.0	9.2	12.5	2.5	2.4	0.6	-5.4	3.2	57.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	235,085 (10.4)	38.4	50.0	15.9	65.7	3.1	8.4	1.6	1.5	-1.5	-7.7	36.3	25.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	138,214 (6.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.7	-5.2	21.5	168.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	633,106 (27.9)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	0.8	-3.1	81.3	148.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,773 (2.2)	3.6	37.0	18.0	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	6.9	-4.0	3.1	-6.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	47,674 (2.1)	0.0	11.8	9.5	-4.5	13.2	14.6	1.4	1.3	1.3	-5.8	11.1	38.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	203,712 (9.0)	46.1	21.0	16.3	-17.5	19.3	22.9	4.0	3.6	-1.5	-	-8.1	18.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,234 (1.3)	31.4	12.1	10.1	-10.5	11.6	17.1	1.4	1.4	-1.8	-8.9	-5.4	-10.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,585 (0.3)	34.1	15.2	12.9	-5.1	9.5	11.3	-	-	0.0	-2.8	0.7	-6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,680,906 (74.1)	18.0	6.5	6.6	21.9	42.5	30.0	2.3	1.7	-1.8	-5.4	-	58.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	316,187 (13.9)	36.5	9.3	11.7	-0.5	25.8	17.6	2.0	1.8	-1.6	-5.8	4.2	158.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	285,768 (12.6)	46.5	19.3	18.7	-4.5	18.2	16.8	2.8	2.6	-1.9	-6.2	9.3	159.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	445,991 (19.6)	38.9	5.7	6.2	67.9	25.8	19.2	1.3	1.1	-2.9	-	-	88.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	156,985 (6.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.6	-5.0	5.3	29.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	158,225 (7.0)	4.6	20.4	17.2	-51.0	16.1	17.4	3.0	3.0	0.0	-8.2	7.8	4.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	270,990 (11.9)	39.9	503.8	27.3	-11.9	0.0	3.4	0.8	0.8	0.5	-	1.5	71.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	130,971 (5.8)	35.9	11.3	9.9	1.2	14.6	14.9	1.5	1.4	-1.4	-7.0	-2.8	71.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	199,407 (8.8)	0.0	21.7	16.8	13.7	24.8	27.8	4.9	4.3	0.7	4.4	12.9	81.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	73,578 (3.2)	0.0	25.9	18.0	2.4	18.4	23.2	4.3	3.6	0.0	-0.7	6.8	30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,084 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.5	-3.0	17.7	-61.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	88,160 (3.9)	30.3	37.8	26.0	-75.2	10.2	13.7	3.6	3.3	-0.2	-3.1	23.5	84.1
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	88,346 (3.9)	34.6	25.7	10.4	41.2	13.4	30.4	2.9	2.6	2.9	-5.1	22.2	12.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,176 (0.1)	45.4	18.4	17.4	10.7	19.9	19.3	3.4	3.1	2.3	-1.1	2.7	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	197 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	6.9	-4.7	-9.5	-2.4
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	204,370 (9.0)	0.0	21.1	17.9	15.5	24.2	25.6	4.6	4.3	1.3	-0.4	1.8	90.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.